

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2021

*“V/v tranh chấp về hôn nhân gia
đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài
sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững;
2. Ông Đào Văn Hiến;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 634/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp 4, xã TX, huyện TM, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Võ Văn H**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 4, xã TX, huyện TM, Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tiến trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H do quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên

mâu thuẫn, lời qua tiếng lại làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Đồng thời, chị và anh H đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hoàng K, sinh năm 1999, hiện con đã trưởng thành về thể chất và tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về nợ không có. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh H thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh H. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Tuy nhiên, ở giai đoạn nhận và xử lý đơn khởi kiện, Tòa án nhận đơn khởi kiện vào ngày 20 tháng 10 năm 2020, không ra quyết định phân công Thẩm phán xem xét đơn, đến ngày 03 tháng 12 năm 2020 mới ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là đã vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 191 và khoản 1 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao);

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 23 tháng 02 năm 2021.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:*

- Xác nhận của Công an xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười;

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.*

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị T về việc yêu cầu được ly hôn với anh H. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 4, xã TX, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án thì Thư ký phiên tòa bà Phạm Thị Thi. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Thi bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng bà Nguyễn Thị Bích Vân là Thư ký phiên tòa dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh H tự tìm hiểu yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1997, mặc dù đã được hai bên gia đình tổ chức đám cưới về sống chung với nhau, nhưng chị T và anh H đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản

1 điều 14 của Luật này...”. Đồng thời, do chị T và anh H không đăng ký kết hôn và nay chị T xin ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh H là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị T và anh H có 01 con chung tên Võ Hoàng K, sinh năm 1999. Hiện con đang sống chung với chị T. Xét đối với con chung tên K đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được. Đồng thời, chị T cũng thống nhất trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H thì không có văn bản ý kiến gì nên về con chung tên K, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa các bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Chị T trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa các bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Riêng đối với kiến nghị ở giai đoạn nhận và xử lý đơn khởi kiện Tòa án nhận đơn khởi kiện vào ngày 20 tháng 10 năm 2020, không ra quyết định phân công Thẩm phán xem xét đơn, đến ngày 03 tháng 12 năm 2020 mới ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là đã vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 191 và khoản 1 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, kiến nghị trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận kiến nghị này.

- Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn H là vợ chồng.

2. Về quan hệ nuôi con: Đối với con chung tên Võ Hoàng K, sinh năm 1999 đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết

3. Về quan hệ tài sản: Chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011330, ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Vân).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hiến – Lê Văn Vững

Nguyễn Minh Phường

